



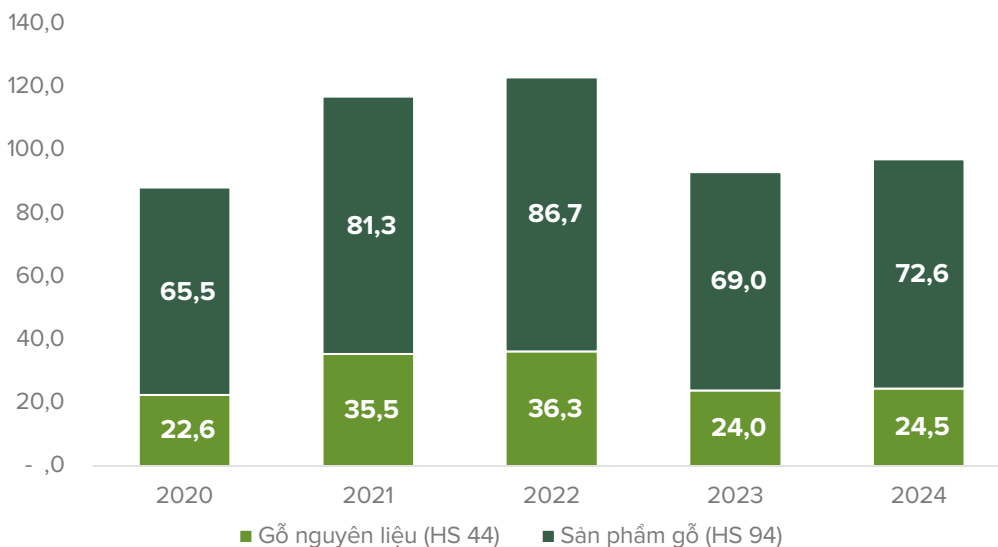
Bản tin thị trường gỗ Hoa Kỳ

Trần Lê Huy (FPA Bình Định) - Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

1. Thị trường gỗ và sản phẩm gỗ Hoa Kỳ

Theo số liệu từ năm 2024, Hoa Kỳ có diện tích rừng khoảng 3,8 triệu dặm vuông (9,8 triệu km²), chiếm khoảng 26% diện tích rừng toàn cầu¹. Tuy nhiên, không có số liệu cụ thể về sản lượng khai thác gỗ của Hoa Kỳ trong năm 2024 trong các nguồn hiện có. Năm 2024, Hoa Kỳ đã nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt giá trị kim ngạch 97.15 tỷ USD, gồm 24.5 tỷ USD nhóm hàng gỗ nguyên liệu (HS 44) và 72.6 tỷ USD nhóm hàng sản phẩm gỗ (HS 94).

Hình 1. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Mỹ năm 2020 – 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tính toán của ITC dựa trên số liệu thống kê của Cục Điều tra dân số Hoa Kỳ và UNCOMTRADE².

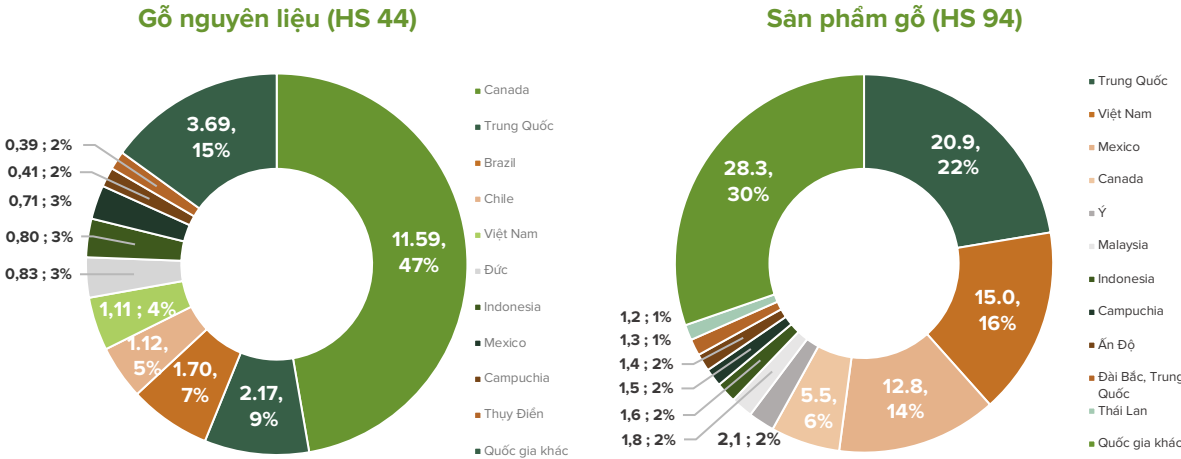
¹ vi.wikipedia.org

² Khác với số liệu thống kê xuất khẩu từ Hải quan Việt Nam tính theo giá FOB, nguồn số liệu thống kê do ITC tính toán dựa trên số liệu thống kê của Cục Điều tra dân số Hoa Kỳ và UNCOMTRADE đã bao gồm cước phí đường biển, bảo hiểm, chi phí khác...

Năm 2024, các quốc gia cung gỗ nguyên liệu lớn nhất vào thị trường Mỹ là Canada (11,59 tỷ USD, chiếm 47%), Trung Quốc (2,17 tỷ USD, chiếm 9%), Brazil (1,7 tỷ USD, chiếm 7%), Chile (1,12 tỷ USD, chiếm 5%), Việt Nam (1,1 tỷ USD, chiếm 4%).

Trong cùng năm này, các quốc gia cung sản phẩm gỗ nhiều nhất vào thị trường Mỹ là: Trung Quốc (20,9 tỷ USD, chiếm 22%) Việt Nam (15 tỷ USD, chiếm 16%), Mexico (12,8 tỷ USD, chiếm 14%), Canada (5,5 tỷ USD, chiếm 6%), Italia (2,1 tỷ USD, chiếm 2%).

Hình 2. Các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Mỹ năm 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tính toán của ITC dựa trên số liệu thống kê của Cục điều tra dân số Hoa Kỳ và UNCOMTRADE.

Theo thông tin Thương vụ³ tìm hiểu từ Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ (USITC), sản phẩm từ rừng (forest products hay FP) là các mặt hàng đa số thuộc nhóm HS 44 (gỗ), 45 (mây tre), 46, 47 (bột giấy), 48, 49 (giấy, sản phẩm in). Theo USITC, năm 2024, Mỹ nhập khẩu tổng cộng 53 tỷ USD mặt hàng nói trên. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu khoảng 2 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2023, đứng thứ 5 trong nhóm các nước xuất khẩu chính sang Hoa Kỳ.

Bảng 1: Top 10 đối tác xuất khẩu mặt hàng nói trên vào Mỹ 2024 (USD)

STT	Tên đối tác	Kim ngạch nhập khẩu
1	Canada	20.571.398.015
2	Trung Quốc	7.008.853.072
3	Brazil	3.639.033.086
4	Mexico	2.909.849.294
5	Việt Nam	2.063.335.898
6	Đức	1.849.560.812
7	Phần Lan	1.263.430.155
8	Indonesia	1.250.440.248
9	Chile	1.138.166.433
10	Thụy Điển	1.064.781.045

Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ tổng hợp từ USITC

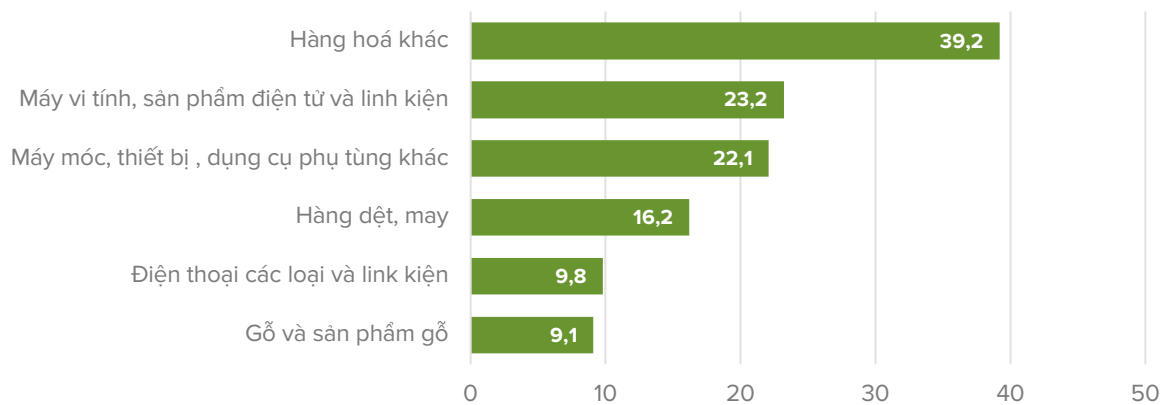
³ Tham tán Đỗ Ngọc Hưng, Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ

Ở chiều ngược lại, theo thống kê của Bộ Nông nghiệp Mỹ, năm 2024, Mỹ xuất khẩu khoảng 9,51 tỷ USD đối với sản phẩm từ rừng, trong đó xuất khẩu vào Việt Nam là khoảng 350 triệu USD, chủ yếu là gỗ xẻ, gỗ tròn.

2. Thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

Năm 2024, giá trị kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt mức 119,5 tỷ USD. Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ đứng thứ 5 về giá trị xuất khẩu sang thị trường Mỹ với kim ngạch đạt 9,1 tỷ USD.

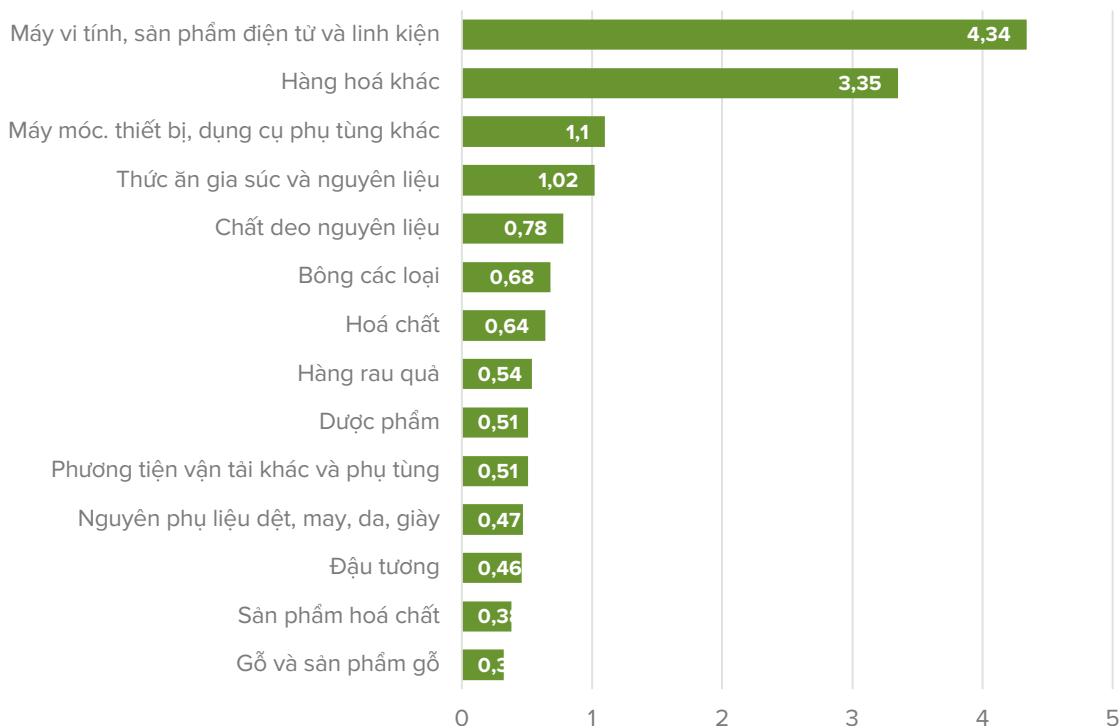
Hình 3. Top 6 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Cùng năm 2024, giá trị kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ đạt mức 15,1 tỷ USD. Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ đứng thứ 13 về giá trị nhập khẩu từ thị trường Mỹ với kim ngạch đạt 0,32 tỷ USD.

Hình 4. Top 13 mặt hàng có giá trị nhập khẩu lớn nhất vào Việt Nam từ Hoa Kỳ năm 2024 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Đối với Việt Nam, sản phẩm gỗ (HS 44) luôn là mặt hàng chiếm ưu thế trong cơ cấu sản phẩm từ rừng xuất khẩu sang Mỹ trong thời gian qua. Theo số liệu của USITC, năm 2024, Việt Nam xuất khẩu khoảng 995 triệu USD mặt hàng gỗ HS 44, chiếm tỷ trọng gần 50% kim ngạch mặt hàng từ rừng xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ.

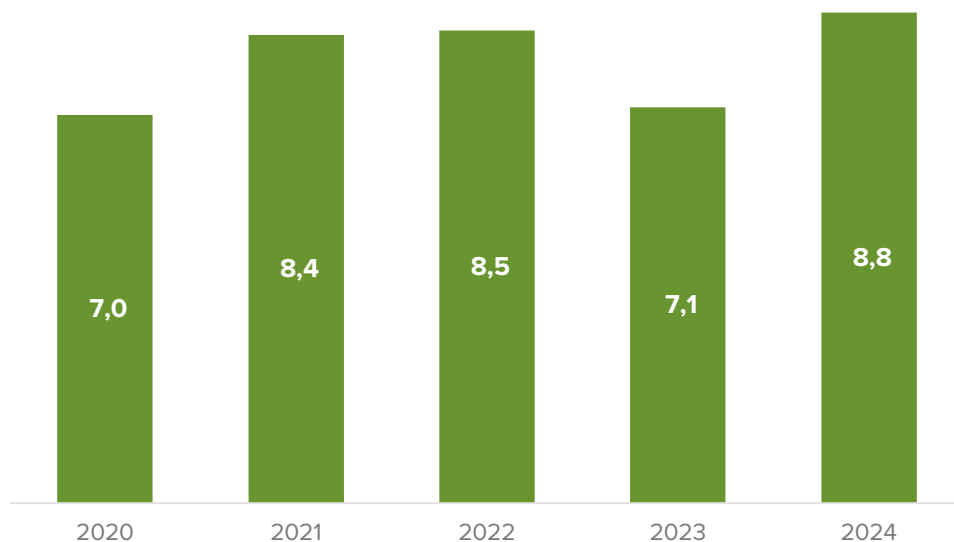
Bảng 2: Cơ cấu sản phẩm từ rừng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ (USD)

Tên sản phẩm	Mã HS	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Gỗ nguyên liệu	44	1.117.887.623	794.532.553	995.630.369
Mây tre	45	2.089.095	1.717.488	2.617.169
Bột giấy	46	134.779.804	102.451.962	124.222.728
Giấy	48	585.985.679	634.208.474	769.966.069
Sản phẩm in	49	76.204.836	144.223.484	170.899.563
	Tổng	1.916.947.037	1.677.133.961	2.063.335.898

Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ tổng hợp từ USITC

Theo số liệu của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Hoa Kỳ từ Việt Nam giai đoạn 2020-2024 (Hình 5).

Hình 5: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Hoa Kỳ từ Việt Nam giai đoạn 2020-2024 (tỷ USD)



Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Số liệu xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ thị trường Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ giai đoạn 2020-2024 cho thấy ghế gỗ, đồ nội thất, ván ghép đồ mộc xây dựng, gỗ dán là các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất (Bảng 3)

Bảng 3. Giá trị kim ngạch xuất khẩu các nhóm mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hoa Kỳ giai đoạn 2020-2024

Mặt hàng	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
Ván sàn	m ³	6.082	6.534	4.584	16.254	17.144
	USD	6.215.492	7.749.664	5.895.475	9.167.295	14.112.537
Ván sợi	m ³	31.164	38.519	49.706	48.615	62.135
	USD	21.571.889	32.795.675	39.297.831	30.243.975	42.592.041
Gỗ dán/ gỗ ghép	m ³	555.760	934.892	618.920	571.628	669.786
	USD	294.904.876	488.452.258	365.814.839	282.227.558	310.729.869
Ván ghép (m3)	m ³	17.671	17.054	18.801	29.593	33.177
	USD	10.073.895	7.635.158	10.736.116	11.630.797	13.556.687
Ván ghép, đồ mộc xây dựng (m3)	m ³	121.578	184.589	218.227	322.008	383.378
	USD	172.167.300	262.832.086	296.525.988	296.579.584	376.853.769
Ghế ngồi (9401)	USD	2.058.397.075	2.804.817.967	2.297.457.962	2.253.443.209	2.778.811.836
Nội thất sử dụng trong văn phòng (94033)	USD	252.006.792	242.815.943	217.208.772	149.287.015	230.828.039
Nội thất sử dụng trong nhà bếp (94034)	USD	514.537.885	609.120.284	907.196.825	846.444.358	1.008.951.762
Nội thất sử dụng trong phòng ngủ (94035)	USD	1.003.220.345	1.011.782.150	1.150.748.939	912.089.967	1.187.858.808
Nội thất bằng gỗ khác (94036)	USD	1.654.162.209	1.754.550.651	1.805.513.195	1.319.894.041	1.532.455.512
Bộ phận đồ gỗ (94039)	USD	908.600.169	1.095.047.269	1.280.466.715	906.346.471	1.181.164.195
SP khác	USD	80.534.817	91.134.732	109.340.354	88.537.986	129.640.375
Tổng XK		6.976.392.746	8.408.733.836	8.486.203.009	7.105.892.256	8.807.555.429

Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Hoa Kỳ vào Việt Nam giai đoạn 2020-2024 (Bảng 4).

Bảng 4. Giá trị kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm gỗ chính vào Việt Nam từ Hoa Kỳ giai đoạn 2020-2024 (USD)

Mặt hàng	2020	2021	2022	2023	2024
Gỗ tròn	71.614.705	64.432.008	96.527.158	59.315.469	89.903.089
Gỗ xẻ	221.846.098	245.453.194	240.277.985	166.196.472	215.321.403
Vener/ván bóc	6.654.617	5.769.185	3.537.492	4.149.176	6.720.888
Ván dăm	15.293.440	6.957.192	219.573	1.373.910	215.197
SP khác	5.924.169	3.203.283	4.430.850	7.023.717	4.197.927
Tổng NK	321.333.028	325.814.862	344.993.058	238.058.744	316.358.503

Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

Bảng 5. Lượng nhập khẩu các sản phẩm gỗ chính vào Việt Nam từ Hoa Kỳ giai đoạn 2020-2024 (m³)

Mặt hàng	2020	2021	2022	2023	2024
Gỗ tròn	214.100	207.593	380.434	214.558	303.325
Gỗ xẻ	597.536	463.511	375.687	355.224	428.978
Vener/ván bóc	5.961	5.118	2.157	2.086	4.238
Ván dăm	55.324	21.532	388	1.973	991

Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam

3. Một số Đạo luật chính của Hoa Kỳ liên quan lĩnh vực gỗ và sản phẩm gỗ

3.1. Đạo luật Lacey (18 USC 42-43; 16 USC 3371-3378)⁴

Đạo luật này điều chỉnh việc nhập khẩu bất kỳ loài nào được luật pháp quốc tế hoặc trong nước bảo vệ và ngăn chặn sự lây lan của các loài xâm lấn hoặc không phải bản địa. Đạo luật này bảo vệ cả thực vật và động vật hoang dã bằng cách tạo ra các hình phạt dân sự và hình sự cho một loạt các hành vi vi phạm. Đạo luật này coi việc nhập khẩu, xuất khẩu, bán, mua hoặc mua cá, động vật hoang dã hoặc thực vật bị bắt, sở hữu, vận chuyển hoặc bán là bất hợp pháp: a) vi phạm luật pháp Hoa Kỳ hoặc người Da đỏ, hoặc b) trong thương mại liên bang hoặc nước ngoài liên quan đến bất kỳ loại cá, động vật hoang dã hoặc thực vật nào bị bắt, sở hữu hoặc bán vi phạm luật pháp của Tiểu bang hoặc nước ngoài.

Bộ luật Hoa Kỳ - Mục 16 Bảo tồn - Chương 53 - Kiểm soát cá và động vật hoang dã bị đánh bắt trái phép - § 3371-3378.

Chương này liên quan đến các biện pháp kiểm soát việc đánh bắt và buôn bán trái phép cá và động vật hoang dã, hệ thực vật hoang dã, thực vật và các sản phẩm thực vật, bao gồm: các hành vi và hành vi phạm tội bị cấm như: nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, bán, tiếp nhận, mua hoặc sở hữu bất kỳ loài cá hoặc động vật hoang dã hoặc thực vật nào bị đánh bắt, sở hữu, vận chuyển hoặc bán vi phạm bất kỳ luật, hiệp ước hoặc quy định nào của Hoa Kỳ và các công ước và thỏa thuận quốc tế ràng buộc Hoa Kỳ; các tuyên bố cụ thể liên quan đến các sản phẩm thực vật; hình phạt dân sự; phiên điều trần; hình phạt hình sự; tịch thu và áp dụng luật hải quan; các điều khoản thực thi.

3.2. Đạo luật Thực phẩm, Bảo tồn và Năng lượng năm 2008 (7 USC)⁵

Đạo luật này cung cấp mạng lưới an toàn cho các nhà sản xuất thực phẩm để duy trì nguồn cung cấp thực phẩm và chất xơ trong nước an toàn, đa dạng và giá cả phải chăng; cung cấp các khoản vay trực tiếp và cho nông dân vay đối với nhiều loại sản phẩm nông nghiệp bao gồm đậu phộng, đường, các sản phẩm từ sữa và bông; cung cấp các chương trình dinh dưỡng cho trẻ em, sức khỏe động vật (bao gồm sức khỏe của động vật thủy sinh), an ninh sinh học nông nghiệp, nông nghiệp hữu cơ và các chương trình khác để hỗ trợ nông nghiệp. Đạo luật thành lập, trong số những thứ khác: Nhóm tư vấn để loại bỏ việc sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức trong các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu; Mạng lưới hỗ trợ căng thẳng cho trang trại và trang trại; Quỹ cho vay luân chuyển dịch vụ phòng chống dịch hại và bệnh tật; và Văn phòng An ninh Nội địa.

3.3. Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962⁶

Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962 trao cho Tổng thống Hoa Kỳ thẩm quyền cắt giảm hoặc áp đặt thuế quan thương mại quốc tế. Tổng thống Trump dựa vào Mục 232 của Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962 để áp đặt thuế quan đối với thép và nhôm. Thuế quan theo Mục 232 đề cập đến bất kỳ mức thuế quan nào được áp dụng theo Mục 232 của Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962, cho phép Tổng thống Hoa Kỳ, theo khuyến nghị của Bộ trưởng Thương

⁴ <https://www.fao.org/faolex/results/details/en/c/LEX-FAOC153636>

⁵ <https://www.fao.org/faolex/results/details/en/c/LEX-FAOC145530>

⁶ <https://www.curtis.com/glossary/international-trade/trade-expansion-act-of-1962>

mại (DOC), áp dụng mức thuế quan đối với bất kỳ hàng hóa nào được nhập khẩu với số lượng hoặc trong trường hợp đe dọa hoặc làm suy yếu an ninh quốc gia.

3.4. Đạo luật Thương mại năm 1974⁷

Các mục từ 301 đến 310 của Đạo luật Thương mại năm 1974 thường được gọi là “Mục 301”. Các mục này cho phép tổng thống Hoa Kỳ áp đặt hoặc tăng thuế quan khi một quốc gia nước ngoài, theo ý kiến của Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR), tham gia vào các hành vi, chính sách hoặc hoạt động vi phạm thỏa thuận thương mại hoặc gây gánh nặng hoặc hạn chế thương mại Hoa Kỳ. Hành động theo Mục 301 là bất kỳ hành động nào theo Mục 301 đến 310 của Đạo luật Thương mại năm 1974 do Đại diện Thương mại Hoa Kỳ ban hành nhằm giải quyết hoặc trả đũa bất kỳ hành động, chính sách hoặc thông lệ nào của một quốc gia nước ngoài vi phạm thỏa thuận thương mại hoặc gây gánh nặng hoặc hạn chế thương mại Hoa Kỳ.

Mục 301 hoạt động theo cách Đại diện Thương mại Hoa Kỳ bắt đầu một "cuộc điều tra 301". USTR có 12 đến 18 tháng để tìm kiếm một giải pháp đàm phán với quốc gia bị cáo buộc tham gia vào các hoạt động vi phạm Mục 301. Vào cuối thời hạn đó, các biện pháp trả đũa, như áp đặt thuế quan, có thể được thực hiện. Trong trường hợp có liên quan đến một thỏa thuận thương mại, Hoa Kỳ phải sử dụng cơ chế tranh chấp thương mại được tìm thấy trong thỏa thuận.

4. Khuyến nghị

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường Hoa Kỳ phát triển nhanh và mạnh trong hai mươi năm qua, đưa Việt Nam trở thành một trong những đối tác cung cấp G&SPG lớn nhất. Kim ngạch xuất khẩu G&SPG vào Mỹ đã chiếm tỷ lệ chi phối xấp xỉ 60% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ vào tất cả các thị trường trên thế giới. Điều này là cơ hội lớn nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro cho ngành gỗ Việt khi phụ thuộc quá lớn vào một thị trường duy nhất, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều chính sách biến động khó đoán của Chính phủ Hoa Kỳ trong 4 năm tới. Hoa Kỳ vừa xây dựng một khung pháp lý chặt chẽ để quản lý tài nguyên rừng và bảo đảm tính hợp pháp của gỗ; đồng thời sẵn sàng áp đặt các biện pháp cứng rắn theo các luật trao quyền rất lớn cho Tổng thống Hoa Kỳ yêu cầu các quốc gia sản xuất, cung cấp G&SPG vào Mỹ phải chấp nhận chính sách “Nước Mỹ trên hết” trong bảo hộ sản xuất nội địa và thương mại quốc tế. Để đáp ứng yêu cầu về pháp lý đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, các bên liên quan tại Việt Nam cần triển khai các hoạt động nhằm tăng cường trao đổi thông tin, hợp tác song phương giữa hai quốc gia để thúc đẩy chuỗi cung ứng gỗ bền vững giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Cơ quan quản lý nhà nước tại Việt Nam

- Vận dụng lợi thế 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và hơn 20 năm ký kết Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) và quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ (2023).
- Tăng cường cơ chế trao đổi, quản lý giám sát với Cơ quan lâm nghiệp Hoa Kỳ về yêu cầu pháp lý của quốc gia này đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu và các hướng dẫn cụ thể;
- Chia sẻ, phổ cập thông tin về yêu cầu pháp lý của Hoa Kỳ đối với gỗ và sản phẩm gỗ và nhập khẩu tới các Hiệp hội, doanh nghiệp trong ngành gỗ; Hướng dẫn, yêu cầu các cơ quan

⁷ Đã dẫn

quản lý nhà nước cấp địa phương tiến hành các thủ tục xác nhận khai thác, thương mại gỗ hợp pháp theo quy định pháp luật của Việt Nam cho chủ rừng và doanh nghiệp.

Hiệp hội Doanh nghiệp

- Tổ chức các hội nghị, diễn đàn để trao đổi và chia sẻ thông tin giữa doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam với các Hiệp hội, doanh nghiệp gỗ tại Hoa Kỳ để có thêm thông tin về yêu cầu của Chính phủ và các doanh nghiệp Hoa Kỳ đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu;
- Xây dựng hệ thống thư viện số, tích hợp các quy định, tiêu chuẩn, kiến thức, hướng dẫn đáp ứng các quy định của Hoa Kỳ đối với gỗ và sản phẩm gỗ để chia sẻ thông tin tới các doanh nghiệp gỗ trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu.

Doanh nghiệp xuất khẩu

- Vận dụng sự hỗ trợ của Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ và các kênh thông tin truyền thông khác để nắm bắt những thay đổi chính sách, quy định của Hoa Kỳ.
- Chủ động thu thập thông tin và bằng chứng chứng minh gỗ được khai thác và thương mại hợp pháp theo quy định pháp luật của Việt Nam.
- Thường xuyên trao đổi và cập nhật với Hiệp hội, doanh nghiệp nhập khẩu đối tác tại Hoa Kỳ về các yêu cầu pháp lý đối với gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu từ thị trường Việt Nam.

Phụ lục 1. Bảng giá trị kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ giai đoạn 2020- 2024 (USD)

Mặt hàng	2020	2021	2022	2023	2024
Gỗ dán/gỗ ghép	294.904.876	488.452.258	365.814.839	282.227.558	310.729.869
Ván ghép, đồ mộc xây dựng	172.167.300	262.832.086	296.525.988	296.579.584	376.853.769
Nội thất sử dụng trong văn phòng	252.006.792	242.815.943	217.208.772	149.287.015	230.828.039
Nội thất sử dụng trong nhà bếp	514.537.885	609.120.284	907.196.825	846.444.358	1.008.951.762
Nội thất sử dụng trong phòng ngủ	1.003.220.345	1.011.782.150	1.150.748.939	912.089.967	1.187.858.808
Nội thất bằng gỗ khác	1.654.162.209	1.754.550.651	1.805.513.195	1.319.894.041	1.532.455.512
Bộ phận đồ gỗ	908.600.169	1.095.047.269	1.280.466.715	906.346.471	1.181.164.195
Ghế ngồi	2.058.397.075	2.804.817.967	2.297.457.962	2.253.443.209	2.778.811.836
Sản phẩm khác	118.396.094	139.315.229	165.269.775	139.580.054	199.901.640
Tổng KNXK	6.976.392.746	8.408.733.836	8.486.203.009	7.105.892.256	8.807.555.429

Nguồn: Viforest tổng hợp số liệu từ Hải quan Việt Nam